

# CHÚ TRỌNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI SẢN VĂN HÓA CỦA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

## VĂN ĐỨC MẠNH (\*)

**Tóm tắt:** Chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước là yếu tố quyết định, ảnh hưởng trực tiếp đến phát huy giá trị của các di sản văn hóa nói riêng và nền văn hóa của cả dân tộc nói chung. Bài viết nghiên cứu về những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta về văn hóa, qua đó đưa ra một số giải pháp góp phần tiếp tục bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa ở Việt Nam phù hợp với giai đoạn hội nhập và phát triển hiện nay.

**Từ khóa:** Bảo tồn và phát huy; chú trọng; di sản văn hóa; Việt Nam.

**Abstract:** The policies of the Party and laws and policies of the State are decisive factors that directly affect the promotion of the values of cultural heritages in particular and the culture of the entire nation in general. This paper studies the policies of the Party and the laws and policies of the State on culture, thereby proposing a number of solutions to contribute to the ongoing preservation and promotion of the values of cultural heritages in Vietnam in line with the existing integration and development trends.

**Keywords:** Preservation and promotion; focus; cultural heritage; Vietnam.

Ngày nhận bài: 20/9/2024

Ngày biên tập: 01/10/2024

Ngày duyệt đăng: 22/10/2024

### 1. Một số khái niệm, quan điểm về văn hóa và di sản văn hóa

Văn hóa là một thuật ngữ đa nghĩa, thường được xem xét ở nhiều khía cạnh khác nhau. Khái niệm văn hóa chứa đựng bản chất nhân văn, mọi hoạt động văn hóa là khát vọng hướng tới “chân, thiện, mỹ”, đây có thể coi là ba trụ cột cốt lõi của sự phát triển văn hóa nhân loại. Qua các thời kỳ lịch sử, khái niệm văn hóa được bổ sung những nội dung mới, cho nên đến nay vẫn là một trong những khái niệm phức tạp và khó xác định nhất. Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) định nghĩa văn hóa “là tập hợp các đặc trưng tiêu biểu về tinh thần, vật chất, tri thức và cảm xúc của xã hội hoặc một nhóm người trong xã hội; văn hóa không chỉ bao gồm văn học và nghệ thuật, mà còn cả phong cách sống, phương thức chung sống, các hệ giá trị, truyền thống và niềm tin”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra quan niệm về văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và

phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng với những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”<sup>(1)</sup>. Điều 1 Luật số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 của Quốc hội về di sản văn hóa nêu rõ: “Di sản văn hóa quy định tại Luật này bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Khi khẳng định: “Văn hóa phải hướng dẫn quốc dân thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ”, “Lấy văn hóa soi đường cho quốc dân đi”<sup>(2)</sup>, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn nhấn mạnh đến giá trị đặc biệt quan trọng của văn hóa dân tộc trong định hướng, dẫn dắt, bổ sung trong phát triển kinh tế, chính trị,

(\*) ThS; Trường Chính trị tỉnh Hưng Yên

xã hội; văn hóa giúp mỗi cá nhân có tư duy tích cực, đạo đức và nhân văn, hài hòa với môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ chín khóa XI nhấn mạnh: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”<sup>(3)</sup>, đây là quan điểm đòi hỏi các cấp, các ngành và mỗi cán bộ, đảng viên và người dân cần nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa, con người trong phát triển bền vững đất nước.

## **2. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa trong thời gian qua ở Việt Nam**

### **2.1. Quan điểm của Đảng ta về bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản văn hóa**

Đảng ta luôn chú trọng đến công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc nói chung, các di sản văn hóa nói riêng trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Trọng tâm là từ Đại hội VI của Đảng (năm 1986), Việt Nam tiến hành đổi mới đất nước, với tinh thần hội nhập và phát triển, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã cụ thể hóa một số vấn đề mà Đại hội VI nêu ra về kinh tế - xã hội, văn hóa, nghệ thuật, báo chí, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... đã mở ra những hướng đi mới cho vấn đề phát triển văn hóa ở nước ta.

Nghị quyết số 04-NQ/HNTW ngày 14/01/1993 của Hội nghị Trung ương lần thứ tư khóa VII về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt đã khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Văn học, nghệ thuật là một bộ phận trọng yếu của nền văn hóa dân tộc, thể hiện khát vọng của Nhân dân về chân - thiện - mỹ”<sup>(4)</sup>. Trong giai đoạn này, Đảng ta nêu rõ: các hoạt động văn hóa, văn nghệ phải được phát triển lành mạnh, phong phú, đa dạng, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu về đời sống tinh thần của Nhân dân... Ngăn chặn và đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hóa độc hại, bảo vệ nền văn hóa dân tộc. Với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, văn hóa Việt Nam tiếp tục được phát huy, góp phần quan trọng vào những thắng lợi to lớn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Hội nghị Trung ương lần thứ năm khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc nêu rõ: “Phương hướng chung của sự nghiệp văn hóa nước ta là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”<sup>(5)</sup>. Để tiếp tục phát huy những thành tựu về phát triển văn hóa, Hội nghị Trung ương lần thứ chín khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước với mục tiêu chung là: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, dân chủ và khoa học”<sup>(6)</sup>. Sự nghiệp xây dựng nền văn hóa và con người xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới, đòi hỏi phải có sự giao lưu, trao đổi, tiếp biến những giá trị văn hóa nhân loại. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng nêu rõ: “Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quy định, đường lối của Đảng về văn hóa”<sup>(7)</sup>.

Nhằm tiếp tục củng cố và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào chiều sâu, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”<sup>(8)</sup>. Như vậy, Nghị quyết các kỳ Đại hội ĐBTQ của Đảng đều nhấn mạnh đến vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam; thể hiện quan điểm đúng đắn, nhất quán, kiên định, kiên trì của Đảng ta để từ đó Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật quản lý nhà nước về văn hóa phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng của thế giới.

## **2.2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản văn hóa**

Thế chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng, phát triển văn hóa trong quản lý nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về bảo tồn, phát triển văn hóa và các di sản văn hóa. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 18/SL ngày 31/01/1946 về đặt thể lệ lưu chiếu văn hóa phẩm trong nước; Nghị định số 519-TTg ngày 29/10/1957 của Thủ tướng Chính phủ về bảo vệ di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh. Các văn bản này đã tạo điều kiện cho ngành văn hóa, thể thao tiến hành kiểm kê các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh ở các tỉnh và thành phố toàn miền Bắc; giúp bảo vệ những di tích lịch sử, văn hóa quan trọng nhất của đất nước.

Các văn bản quy phạm pháp luật về bảo tồn, phát triển văn hóa và các di sản văn hóa ban hành sau ngày đất nước thống nhất, như: Nghị quyết số 159-HĐBT ngày 19/12/1983 của Hội đồng Bộ trưởng về công tác văn hóa thông tin; Pháp lệnh số 14-LCT/HĐNN7 ngày 04/4/1984 về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; Chỉ thị số 124-CT ngày 13/5/1986 của Hội đồng Bộ trưởng về việc tổ chức những ngày văn hóa các dân tộc Việt Nam; Chỉ thị số 814/TTg ngày 12/12/1995 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, thiết lập trật tự, kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng; Luật số 28/2001/QH10 về di sản văn hóa; Quyết định số 01/2002/QĐ-BVHTT ngày 02/01/2002 của Bộ Văn hóa thông tin về việc ban hành Quy chế công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu phố văn hóa; Nghị định số 92/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa; Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT về việc ban hành quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg ngày 24/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về ngày Di sản văn hóa Việt Nam... đã tạo lập cơ sở pháp lý rất quan trọng cho công tác bảo tồn, phát triển văn hóa và các di sản văn hóa.

Tính đến nay, Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã ghi danh 15 di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; có 08 di sản văn hóa vật thể của Việt Nam được UNESCO vinh danh. Bên cạnh đó, gần 8.000 lễ hội được lưu truyền gắn với nhiều phong tục, tập quán, nghệ thuật trình diễn, làng nghề thủ công, văn hóa ẩm thực, trang phục... trong đó có nhiều phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng nhằm bảo đảm tính đa dạng, phong phú về sắc thái văn hóa của các vùng, miền trên cả nước. Ngoài ra, có 09 di sản văn hóa tư liệu; 11 Khu dự trữ sinh quyển thế giới; 03 công viên địa chất toàn cầu UNESCO; 09 khu Ramsar được UNESCO công nhận. Những thành quả này là minh chứng cho quan điểm, đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta về bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản văn hóa.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình bảo vệ và phát huy giá trị của các di sản văn hóa ở nước ta vẫn còn hạn chế, như di sản văn hóa chưa được quan tâm và phát triển tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực nội sinh, động lực của sự phát triển bền vững đất nước; việc trùng tu, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích có lúc, có nơi chưa bảo đảm các quy định của pháp luật, dẫn đến làm biến dạng di tích; quản lý, bảo vệ di tích, bảo quản cổ vật, di vật, hiện vật tại một số địa phương còn chưa hiệu quả. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực di sản văn hóa còn mỏng; nhiệm vụ kiểm kê di tích, quy hoạch khảo cổ, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích ở nhiều địa phương còn thiếu đồng bộ và chưa được quản lý chặt chẽ, dẫn tới xảy ra sai phạm, còn nhiều di tích đang xuống cấp, phần lớn các di tích chưa được sự quan tâm lập quy hoạch; các bảo tàng phát huy hiệu quả còn hạn chế...

## **3. Giải pháp tiếp tục bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa của Việt Nam**

*Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế về bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa ở Việt Nam.*

Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về văn hóa của cơ quan, đơn vị và địa phương cần đảm bảo sự thống nhất, tránh

chống chéo, trùng lặp... nhằm đảm bảo công tác quản lý nhà nước về văn hóa được thông suốt từ Trung ương tới địa phương. Kiện toàn các cơ quan, đơn vị làm công tác văn hóa, nghệ thuật về tổ chức và cán bộ; tăng cường và đầu tư xứng đáng cho các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục, đào tạo trong lĩnh vực văn hóa. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; đẩy nhanh thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa; xây dựng, phát huy các giá trị văn hóa và con người Việt Nam thành các chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch cụ thể sát với thực tiễn.

*Hai là, bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử của các dân tộc và mỗi vùng miền trên cả nước.*

Hiện nay, Việt Nam có hơn 40.000 di tích, thắng cảnh văn hóa, trong đó có hơn 3.300 di tích được xếp hạng di tích quốc gia; hơn 7.000 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay nhiều di tích đã được xếp hạng đang bị xâm hại nghiêm trọng, ảnh hưởng không nhỏ đến tính lịch sử và giá trị văn hóa. Vì vậy, cần có chế tài, biện pháp hiệu quả để bảo vệ, lưu giữ và tôn tạo những di tích lịch sử có giá trị về văn hóa, tín ngưỡng của dân tộc.

*Ba là, chú trọng công tác tuyên truyền về vai trò, giá trị các di sản văn hóa của Việt Nam.*

Cần tuyên truyền, phổ biến về vị trí, vai trò của văn hóa và các di sản văn hóa của Việt Nam tới mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tới các vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số bằng nhiều hình thức, nội dung phù hợp với đặc điểm của mỗi vùng miền và tộc người. Đồng thời, tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

*Bốn là, nâng cao hiệu quả công tác xã hội hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.*

Tôn trọng, phát huy các loại hình văn hóa đa dạng của từng cộng đồng dân tộc, địa phương, đặc biệt là tri thức bản địa của từng tộc người cụ thể. Bởi vì, các tri thức bản địa rất đa dạng, phong phú được tích lũy trong suốt chiều dài lịch sử, từ thế hệ này đến thế

hệ khác, nhờ đó các tộc người thiểu số có thể làm chủ, trụ vững trong những điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. Do đó, cần coi tri thức bản địa của các dân tộc thiểu số là nguồn tài nguyên quan trọng trong phát huy những giá trị truyền thống của họ - đây là bản sắc văn hóa độc đáo của mỗi tộc người nói riêng cần lưu giữ, bảo tồn và phát huy.

Có thể khẳng định, di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của Nhân dân ta. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa trên cơ sở các giá trị đặc trưng của mỗi loại hình di sản văn hóa của dân tộc góp phần thúc đẩy, tạo nền tảng phát triển kinh tế - xã hội, đòi hỏi Đảng, Nhà nước ta cần có nhiều giải pháp đồng bộ, khoa học, sát với thực tiễn của mỗi loại hình di sản văn hóa, cũng như đặc tính, đặc điểm ở mỗi vùng, miền trên cả nước, để các di sản văn hóa thực sự là “sức mạnh mềm” trong giai đoạn hội nhập và phát triển./.

### **Ghi chú:**

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.431.

(2) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.25.

(3), (6) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị Trung ương lần thứ chín khóa XI về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.*

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 04-NQ/HNTW ngày 14/01/1993 của Hội nghị Trung ương lần thứ tư khóa VII về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt.*

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Hội nghị Trung ương lần thứ năm khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.*

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XII*, Nxb CTQG-ST, H.2016, tr.131.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.143.